

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2020

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Tím

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 30/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXX-ST ngày 10/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977;

Bị đơn: Anh Vũ Đình H, sinh năm: 1970.

Đều ĐKKHKT: Thôn Q, xã K, huyện K, Hải Dương

(Chị L, anh H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 25/11/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại, hai bên không còn quan tâm chăm

sóc nhau. Mặc dù chị và gia đình cũng khuyên can anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi mà chửi bới, đánh đập chị nhiều hơn nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn xảy ra nên chị L và anh H đã nhiều lần ly thân. Tuy nhiên anh H vẫn không thay đổi tính nết nên hiện tại chị L đã bỏ hẳn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai bên đã ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Đình L, sinh ngày 31/8/1997 và Vũ Thị Thanh H, sinh ngày 30/9/2008, hiện cháu L đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết và đề nghị được nuôi cháu Vũ Thị Thanh H cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng anh H trình bày: Anh và chị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/11/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh hay uống rượu, anh có nói thì vợ chồng lại cãi vã, thi thoảng vợ chồng cũng có xô xát. Hiện chị L đã thuê nhà ra chỗ khác ở, vợ chồng sống ly thân. Anh xác định không muốn ly hôn chị L nhưng nếu chị L vẫn quyết tâm ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Đình L, sinh ngày 31/8/1997 và Vũ Thị Thanh H, sinh ngày 30/9/2008, hiện con L đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Con Vũ Thị Thanh H còn nhỏ nên đề nghị Tòa án giao con cho chị L chăm sóc và nuôi dưỡng. Nhất trí với quan điểm không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh H, chị xin được nuôi con Vũ Thị Thanh H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Đình H. Về con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu Vũ Thị Thanh H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Đình H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Đình H kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị L thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H là do anh H thường xuyên uống rượu, vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã và cũng có xô xát. Tại biên bản lấy lời khai anh H cũng khẳng định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh hay uống rượu, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hiện chị L đã thuê nhà ra ngoài sinh sống, vợ chồng ly thân, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Đình H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị L thì thấy: Chị L và anh H có hai con chung là Vũ Đình L, sinh ngày 31/8/1997 và Vũ Thị Thanh H, sinh ngày 30/9/2008, hiện cháu L đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết; cháu Vũ Thị Thanh H là nữ và đang trong độ tuổi dậy thì nên rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Tại biên bản lấy lời khai cháu H có nguyện vọng được ở cùng mẹ; anh H cũng đề nghị Tòa án giao con cho chị L chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của chị L giao con Vũ Thị Thanh H cho chị chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L có đơn xin ly hôn nên chị L phải nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Đình H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Vũ Thị Thanh H, sinh ngày 30/9/2008, cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001580 ngày 12 tháng 10 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị L, anh H. Chị L, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích